

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 09-01-2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 342/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 265/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Thái N (tên thường gọi H), sinh năm 1979.

2. Bà Lê Thanh Huỳnh N1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: Số F N, phường D, thành phố T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: Số H C, Phường E, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bà Trần Nguyễn Kiều M, sinh năm 2002. Địa chỉ: Số B N, Phường B, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1995. Địa chỉ: Số D ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

(ông D có mặt; bà M, bà H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Tuấn D trình bày:

Vào ngày 18/5/2024, ông Nguyễn Thái N (tên thường gọi H) và bà Lê Thanh Huỳnh N1 có cho bà Lê Thị Ngọc H1 vay số tiền là 150.000.000 đồng, bà H1 nhận tiền bằng hình thức chuyển khoản, được thể hiện tại giấy mượn tiền viết tay đề ngày 18/5/2024, thỏa thuận thời hạn vay 02 tuần.

Đến hạn thanh toán nợ cũng như sau khi có thông báo đòi nợ của ông N, bà N1 ngày 17/9/2024 nhưng bà H1 cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay, ông N và bà N1 yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành buộc bà Lê Thị Ngọc H1 phải trả số tiền 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần, khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bà Lê Thị Ngọc H1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Thái N và bà Lê Thanh Huỳnh N1 có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Lê Thị Ngọc H1, việc tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H1 cư trú tại huyện C, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Bà Lê Thị Ngọc H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Ông N, bà N1 yêu cầu bà H1 thanh toán số tiền vốn vay 150.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, trả một lần khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án nhiều lần triệu tập bà H1 tham gia tố tụng để làm rõ nội dung vụ án nhưng bà H1 đều vắng mặt không đến Tòa án giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông N và bà N1; điều này thể hiện việc bà H1 đã từ bỏ quyền chứng minh cho mình. Như vậy, căn cứ vào bản sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng (Ngân hàng TMCP Đ phát hành ngày 16/9/2024) và giấy mượn tiền viết tay ngày 18/5/2024, do ông N và bà N1 cung cấp, có đủ cơ sở xác định: Bà H1 có vay ông N và bà N1 số tiền là 150.000.000 đồng, thời hạn vay 02 tuần, không có thỏa thuận lãi suất vay nên xác định đây là hợp đồng vay không có lãi suất và có kỳ hạn. Do

đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N và bà N1, buộc bà H1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn vay 150.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông N và bà N1 được chấp nhận nên bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định (150.000.000 đồng x 5% = 7.500.000 đồng). Ông N và bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Thái N và bà Lê Thanh Huỳnh N1 đối với bà Lê Thị Ngọc H1.

Buộc bà Lê Thị Ngọc H1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thái N và bà Lê Thanh Huỳnh N1 số tiền vốn vay là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Thái N và bà Lê Thanh Huỳnh N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010506 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh LA;
- Viện kiểm sát ND cùng cấp;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy